

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 24-4-2019

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân

Cán bộ tư pháp phường M – thành phố L

2. Ông Lê Thanh Thật

Phó chủ tịch HĐND thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS ngày 12/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2019/QĐST-DS ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Trụ sở: Số 442, đường K, phường 5, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - chức vụ: TGD

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quốc C - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh An Giang (Văn bản ủy quyền số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13/9/2012)

Ông C ủy quyền cho bà H, sinh năm 1995 - Nhân viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 65/UQ-ACB.AG.19 ngày 27/3/2019). Có mặt

2. Bị đơn: Ông **Muhamad D**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 98, đường Đ, Tổ 1, khóm 3, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà **Ký Ngọc H**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 38/1, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/6/2016, ông Muhamad D, bà Ký Ngọc H có thỏa thuận ký kết Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.CN.517.030616 với Ngân hàng Thương mại cổ phần A (viết tắt là Ngân hàng TMCP A). Đến ngày 14/6/2016, ông D và bà H ký Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.526.030616 và Khế ước nhận nợ số 218105969 với Ngân hàng A để vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Thời hạn vay: 180 tháng (từ 14/06/2016 đến 14/06/2031). Mục đích: Sản xuất kinh doanh – đầu tư bất động sản làm địa điểm sản xuất kinh doanh. Lãi suất trong hạn là: 9,50%/năm (từ 14/06/2016 đến 13/12/2016), 11,90%/năm (từ 14/12/2016 đến 22/01/2017), 11,0%/năm (Từ 23/03/2017 đến 13/06/2017), 11,90%/năm (từ 14/06/2017 – 07/12/2017). Lãi suất quá hạn là: 17,85%/năm (từ 08/12/2017) lãi suất quá hạn được thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc và lãi sau 01 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu hoặc kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, nợ gốc được hoàn trả hàng tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên, ông Muhamad D và bà H đã thế chấp cho ngân hàng tài sản như sau: Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, diện tích 64,00 m². Loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.270.030616 ngày 13/06/2016.

Quá trình vay, ông Muhamad D, bà Ký Ngọc H trả vốn lãi tính đến ngày 12/12/2017 được 242.201.244 đồng, trong đó vốn 47.210.661 đồng, lãi 194.990.583 đồng thì ngưng không thực hiện hợp đồng như cam kết, vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn phải thanh toán nợ trước hạn với số tiền 2.084.286.344 đồng (hai tỷ, không trăm

tám mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó vốn gốc là 1.952.789.339 đồng, lãi tạm tính đến ngày 12/12/2017 là 131.497.005 đồng. Đồng thời, yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán số nợ và yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.270.030616 ngày 13/6/2016 để đảm bảo cho việc thi hành án.

* Bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Đại diện nguyên đơn bà Huỳnh N trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 2.565.510.594 đồng, trong đó vốn gốc là 1.952.789.339 đồng, lãi tính đến ngày xét xử (24/4/2019) là 612.721.255 đồng (lãi trong hạn 126.186.561 đồng, lãi quá hạn 486.534.694 đồng).

Yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng tiếp theo ngày xét xử và yêu cầu duy trì tài sản thế chấp thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, diện tích 64,00 m². Loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.270.030616 ngày 13/06/2016 để bảo đảm thi hành án.

Đối với chi phí tố tụng: Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ tài sản nhà đất của ông Muhamad D là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, thể hiện Ngân hàng TMCP A có cho ông Muhamad D, bà Ký Ngọc H vay 2.000.000.000 đồng theo thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.517.030616 ngày 13/6/2016, hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.526.030616 và Khế ước nhận nợ số 218105969 ngày 14/6/2016 và hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS02906 do Ủy ban

nhân dân thành phố L cấp ngày 07/4/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà H chỉ trả vốn được 47.210.661 đồng, trả lãi được 194.990.583 đồng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn phải trả vốn 1.952.789.339 đồng, lãi tính đến ngày xét xử 24/4/2019 là 612.721.255 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên số dư nợ chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong, đồng thời yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thi hành án. Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 467, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bị đơn ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A, mục đích vay theo hợp đồng tín dụng thể hiện “Sản xuất kinh doanh – đầu tư bất động sản làm địa điểm sản xuất kinh doanh” nhưng trong hồ sơ vay vốn không có Giấy chứng nhận kinh doanh các ngành nghề nêu trên. Tòa án đã gửi văn bản đến Phòng Tài chính – Kế hoạch yêu cầu xác nhận tình trạng kinh doanh của phía bị đơn. Ngày 21/12/2018, Phòng Tài chính – Kế hoạch gửi văn bản số 2197/TCKH và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cà phê, người đại diện hộ kinh doanh là ông Muhamad D, ngành nghề kinh doanh: cà phê rang, xay các loại, tạt hóa, đại lý nước đá, vốn kinh doanh: 100.000.000 đồng. Như vậy, việc bị đơn đề nghị vay vốn, mục đích vay khai tại Ngân hàng và việc mua bán cà phê tại nhà là không cùng ngành nghề kinh doanh nên không có căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng vay tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Ngân hàng TMCP A là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A ký văn bản ủy quyền số 169/UQ-ACB.AG.17 ngày 18/12/2017 ủy quyền cho ông La Minh T, nhân viên xử lý nợ

tham gia tố tụng tại Tòa án. Đến ngày 27/3/2019, Ngân hàng ký văn bản ủy quyền số 169/UQ-ACB.AG.19 cho bà Huỳnh N, thay thế giấy ủy quyền của ông La Minh T. Xét thấy, việc ủy quyền phù hợp với Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận bà N tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.4] Bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tình trạng cư trú ngày 04/01/2018 được Công an phường M, thành phố L Xuyên xác nhận: “Ông Muhamad Du Sô có đăng ký hộ khẩu tại số 98, đường Đ, tổ 1, khóm 3, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Bà Ký Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 38/1, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang và hiện đang sinh sống tại địa phương”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung

Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch dân sự ngày 14/6/2016, thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng đến năm 2031. Xét nội dung và hình thức thì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn đang được thực hiện, phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ Hợp đồng tổng mức cấp tín dụng số LOX.CN.517.030616 ngày 13/6/2016, Hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.526.030616 và Khế ước nhận nợ số 218105969 ngày 14/6/2016 thể hiện ông Muhamad D, bà Ký Ngọc H có thỏa thuận với Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng). Thời hạn vay: 180 tháng (từ 14/06/2016 đến 14/06/2031). Mục đích: Sản xuất kinh doanh – đầu tư bất động sản làm địa điểm sản xuất kinh doanh. Lãi suất trong hạn là: 9,50%/năm (từ 14/06/2016 đến 13/12/2016), 11,90%/năm (từ 14/12/2016 đến 22/01/2017), 11,0%/năm (từ 23/03/2017 đến 13/06/2017), 11,90%/năm (từ 14/06/2017 – 07/12/2017). Lãi suất quá hạn là: 17,85%/năm (từ 08/12/2017) lãi suất quá hạn được thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc và lãi sau 01 tháng, kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu hoặc kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, nợ

gốc được hoàn trả hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Muhamad D, bà Ký Ngọc H trả vốn lãi tính đến ngày 12/12/2017 được 242.201.244 đồng, trong đó vốn 47.210.661 đồng, lãi 194.990.583 đồng thì ngưng không thực hiện hợp đồng như cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc phía bị đơn phải thanh toán nợ trước hạn hợp đồng.

Xét thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay tài sản, xác lập giao dịch bằng Hợp đồng tín dụng ngày 14/6/2016 và bị đơn đã ký Khế ước để nhận số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), tại hợp đồng ghi rõ lãi suất trong hạn, quá hạn trên cơ sở tự nguyện của hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, phía bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng, điều này thể hiện bị đơn đã vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ trước hạn là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, Điều 466, Điều 467, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cũng như không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.565.510.594 đồng, trong đó vốn gốc là 1.952.789.339 đồng, lãi tính đến ngày xét xử (24/4/2019) là 612.721.255 đồng (lãi trong hạn 126.186.561 đồng, lãi quá hạn 486.534.694 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LOX.CN.526.030616 Khế ước nhận nợ số 218105969 ngày 14/6/2016 cho đến khi tất toán xong nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.270.030616 ngày 13/06/2016 (thửa đất số 148, tờ bản đồ số

14, loại đất ở đô thị, diện tích 64,00 m². Loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang) để bảo đảm thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ngân hàng được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; Điều 466; Điều 467; Điều 470, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H.

Buộc ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.565.510.594 đồng (Hai tỷ, năm trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn, năm trăm chín mươi bốn đồng), trong đó vốn gốc là 1.952.789.339 đồng (một tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi chín đồng), lãi tính đến ngày xét xử (24/4/2019) là 612.721.255 đồng (sáu trăm mười hai triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LOX.CN.526.030616 và Khế ước nhận nợ số 218105969 ngày 14/6/2016 cho đến khi tất toán xong nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.270.030616 ngày 13/06/2016 (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 14, loại đất ở đô thị, diện tích 64,00 m². Loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang) để bảo đảm thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng TMCP A được nhận lại 36.842.000đ (ba mươi tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005047 ngày 06/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP A chi nhánh An Giang được đại diện nhận số tiền tạm ứng án phí nêu trên.

Ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải liên đới nộp 83.310.000 đồng (tám mươi ba triệu ba trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Chi phí tố tụng: Bị đơn ông Muhamad D và bà Ký Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Muhamad D, bà Ký Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- VKS TPL
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam